|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tuần 19**  **Tiết 73** | **GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN** | **NS: 14.1.2024**  **ND: 15.1.2024** |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Nhận biết được một số yếu tố của truyền thuyết như: cốt truyện, nhân vật, lời kể, yếu tố kì ảo; nhận biết được chủ đề của VB.

- Nhận biết được VB thông tin thuật lại một sự kiện và cách triển khai VB theo trật tự thời gian.

- Hiểu được công dụng của dấu chấm phẩy (đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong một chuỗi liệt kê phức tạp).

- Bước đẩu biết viết VB thông tin thuật lại một sự kiện.

- Kể được một truyến thuyết.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản trong bài học.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về các văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện và phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

- Tự hào về lịch sử và truyền thống văn hoá của dân tộc, có khát vọng cống hiến vì những giá trị cộng đồng.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c) Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV đặt câu hỏi: *Em đã từng đọc hoặc nghe kể về người anh hùng nổi tiếng nào trong các câu chuyện kể của nước ta chưa? Đó là ai? Hãy kể lại chiến công tiêu biểu của họ?*

HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

+ HS nghe và trả lời

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

+ GV dẫn dắt: Trong bài 6, chúng ta sẽ cùng được đọc về một số người anh hùng đã đi vào lịch sử cùng những truyền thuyết hào hùng. Họ là những nhân vật anh hùng huyền thoại – những “tượng đài” mang sức mạnh và ý chí của tập thể được lưu giữ trong kí ức cộng đồng qua nhiều thế hệ. Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu những khái quát chủ đề bài học.

HS có thể kể tên: Thánh Gióng, Lê Lợi, Sơn Tinh….

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung của bài học

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS đọc phần Giới thiệu bài học và trả lời câu hỏi: *Em hiểu những người anh hùng là những người như thế nào?*

HS lắng nghe.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

+ HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

Gv chuẩn kiến thức:

Những người anh hùng trong truyền thuyết phản ánh ý chí, khát vọng và sức mạnh của cả cộng đồng. Đó là biểu tượng đại diệ của cộng đồng chứ không phải người anh hùng cá nhân. Nhân vật người anh hùng chính là sản phẩm từ kí ức của cộng đồng. Vì thế nên nhân vật người anh hùng và truyền thuyết về người anh hùng kết hợp cả yếu tố thực (hình bóng của sự thật lịch sử, sự vật, hiện tượng…) và yếu tố hư ảo (hoang đường, kì ảo).

**Hoạt động 2: Khám phá tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các khái niệm về truyền thuyết, kể tên các truyện truyền thuýet đã đọc.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu HS đọc phàn Tri thức ngữ văn trong SGK

*GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm:*

*+ Nêu định nghĩa về truyện truyền thuyết*

*+ Các yếu tố của TT có đặc điểm gì: nhân vật chính, cốt truyện, lời kể yếu tố kì ảo.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

**GV bổ sung:**

**Truyền thuyết**

Truyền thuyết là loại truyện dân gian kể về các sự kiện và nhân vật ít nhiều có liên

quan đến lịch sử, thông qua sự tưởng tượng, hư cấu.

**Một số yếu tố của truyền thuyết**

* Truyền thuyết thường kể lại cuộc đời và chiến công của nhân vật lịch sử hoặc giải thích nguồn gốc các phong tục, sản vật địa phương theo quan điểm của tác giả dân gian.
* Truyền thuyết được kể theo mạch tuyến tính (có tinh chất nối tiếp, theo trình tự thời gian). Nội dung thường gồm ba phần gắn với cuộc đời của nhân vật chính: hoàn cảnh xuất hiện và thân thế; chiến công phi thường; kết cục.
* Nhân vật chính của truyền thuyết là những người anh hùng. Họ thường phải đối mặt với những thử thách to lớn, cũng là thử thách của cả cộng đồng. Họ lập nên những chiến công phi thường nhờ có tài năng xuất chúng và sự hỗ trợ của cộng đồng.
* Lời kể của truyền thuyết cô đọng, mang sắc thái trang trọng, ngợi ca, có sử dụng một số thủ pháp nghệ thuật nhằm gây ấn tượng về tinh xác thực của câu chuyện.

Yếu tố kỉ ảo (lạ và không có thật) xuất hiện đậm nét ờ tất cả các phần nhằm tôn vinh, lí tưởng hoá nhân vật và chiến công của họ.

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Chọn 1 truyền thuyết yêu thích và liên hệ với tri thức ngữ văn vừa đọc:

* Tóm tắt cốt truyện
* Xác định nhân vật chính
* Chỉ ra yếu tố hoang đường, kì ảo sử dụng trong truyện

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:Theo em, tại sao truyện truyền thuyết lại có các yếu tố kì ảo, hoang đường?*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tuần 19**  **Tiết 74** | **THÁNH GIÓNG** | **NS: 16.1.2024**  **ND: 17.1.2024** |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- HS xác định được chủ đề của truyện.

- HS nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên truyện truyền thuyết: tình huống điển hình của cốt truyện, các chi tiết tiêu biểu, nhân vật có tính biểu trưng cho ý chí và sức mạnh của tập thể, lời kể có nhiều chi tiết hoang đường, kì ảo…

- HS nhận xét, đánh giá về một số thủ pháp nghệ thuật nhằm tô đậm tính xác thực của câu chuyện trong lời kể truyền thuyết.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Thánh Gióng.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Thánh Gióng.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: tôn trọng, tự hào về lịch sử dân tộc, tinh thần yêu nước chống giặc ngoại xâm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Tranh ảnh về truyện TG

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV đặt câu hỏi:

*1. Đối với em, ai là người anh hùng? Người đó có những phẩm chất và thành tích gì khiến em ngưỡng mộ?*

*2. Thiết kế giới thiệu ngắn gọn về một người anh hùng và trình bày trước lớp:*

*+ Tên:……………………………………*

*+ Phẩm chất:……………………………*

*+ Chiến công:………………………….*

HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

+ HS nghe và trả lời

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

+ GV dẫn dắt: Người anh hùng là những người được ngưỡng mộ vì những phẩm chất cao cả hay thành tích phi thường, giúp ích cho nhiều người. Tiêu chuẩn của người anh hùng đầu tiêu là yếu tố thành tích phi thường, có lợi ích cho cộng đồng. Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu về người anh Thánh Gióng đã có công đánh đuổi giặc ngoại xâm trong buổi đầu dựng nước của dân tộc.

- HS nêu suy nghĩ về người anh hùng.

- Thiết kế và trình bày lai lịch của một người anh hùng mà mình ngưỡng mộ.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS: *Thánh Gióng thuộc thể loại truyện gì? Nhắc lại khái niệm? Xác định nhân vật chính của truyện?*

*-* GV hướng dẫn cách đọc:

+ Đoạn Gióng ra đời: giọng ngạc nhiên, hồi hộp: đoạn Gióng ra đời.

+ Đoạn Gióng trả lời sứ giả: giọng dõng dạc, trang nghiêm.

+ Đoạn cả làng nuôi Gióng: giọng háo hức, phấn khởi.

+ Đoạn Gióng đánh giặc: khẩn trương, mạnh mẽ.

+ Đoạn cuối: giọng chậm, nhẹ, xa vời, mang màu sắc huyền thoại.

GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.

- GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó: *sứ giả, áo giáp, tây, truyền, khôi ngô, phúc đức, thụ thai, phi…*

- HS lắng nghe.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

+ HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

**I. Tìm hiểu chung**

- Thể loại: truyền thuyết thuộc thể loại truyền thuyết thời đại Hùng Vương thời kì giữ nước.

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**NV1:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:

+ Tóm tắt văn bản Thánh Gióng

*+ Câu chuyện được kể bằng lời của nhân vật nào? Kể theo ngôi thứ mấy?*

*+ GV yêu cầu HS xác định phương thức biểu đạt? Bố cục của văn bản?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

**GV bổ sung:**

Như vậy, theo bố cục chúng ta vừa chia ở trên thì có các sự việc xoay quanh nhân vật Gióng. Vậy ở mỗi phần, thông qua hình tượng nhân vật Thánh Gióng nhân dân ta muốn gửi gắm điều gì? Để trả lời được câu hỏi đó, cô và các con sẽ đi tìm hiểu phần II.

**NV2**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**- GV đặt câu hỏi gợi dẫn:**

- GV yêu cầu HS nêu thời gian, địa điểm, hoàn cảnh diễn ra các sự việc trong câu chuyện.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

+ Thời gian: đời HV thứ sáu

+ Không gian: không gian làng quê

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

***3. Đọc- kể tóm tắt***

- Nhân vật chính: Gióng.

- Ngôi kể: ngôi thứ ba

- PTBĐ: tự sự

**Bố cục:** 4 phần

- P1: từ đầu… *nằm đấy* : Sự ra đời kỳ lạ của Gióng

- P2: Tiếp… *cứu nước*: Sự trưởng thành của Gióng

- P3: Tiếp… *lên trời*: Gióng đánh tan giặc và bay về trời

- P4: Còn lại: Những vết tích còn lại của Gióng.

***Gv bổ sung:*** Trong khoảng thời gian và không gian đó đã xảy ra sự việc: giặc Ân đã xâm phạm bờ cõi nước ta. Thế giặc rất mạnh, đất nước ra đối diện với một mối lâm nguy, thử thách to lớn là đánh đuổi giặc ngoại xâm, giữ yên bờ cõi. Tại thời điểm này, lịch sử đòi hỏi nước ta phải có những cá nhân kiệt xuất, những người tài giỏi đánh giặc giúp dân cứu nước.

**NV3:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

*Hãy tìm những chi tiết kể về sự ra đời của Gióng? Qua đó, con có nhận xét gì?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

**II. Tìm hiểu chi tiết**

***1.******Sự ra đời của Gióng***

- Thời gian, địa điểm: vua Hùng thứ 6, tại làng Gióng.

- Vợ chồng ông lão phúc đức, hiếm muộn

- Bà mẹ ướm vào vết chân lạ

- Mang thai 12 tháng mới sinh

- Gióng lên ba: không biết nói, cười, không biết đi.

🡪 *Sự ra đời kì lạ, báo hiệu một con người phi thường*

GV chuẩn kiến thức:

+ Cha mẹ Gióng là những người tốt bụng, hiện lành , được đền đáp xứng đáng 🡪 thể hiện quan niệm của dân gian ở hiền gặp lành.

+ Có thể nói, ngay từ những chi tiết đầu tiên của câu chuyện đã đưa ta vào thế giới của những điều kì lạ. Ta chưa bao giờ gặp một bà mẹ ướm vào vết chân lạ mà có thai. Ta cũng chẳng thấy ai mang thai trong 12 tháng 🡪 sự ra đời của một con người phi thường.

Và những chi tiết hoang đường ấy càng cuốn hút ta vào câu chuyện mà ở đó trung tâm chính là cậu bé làng Gióng. Qua đây, cô muốn nhấn mạnh với các con rằng: sự ra đời kì lạ, khác thường của Gióng chính là mô-tip xây dựng nhân vật người anh hùng đặc trưng trong các truyện dân gian. Các con có thể tìm đọc thêm các truyện trong dân gian Việt Nam để thấy rõ điều này nhé.

**NV4:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**- GV đặt câu hỏi :**

* Điều gì đã xảy ra tiếp theo? Tiếng nói đầu tiên của Gióng là tiếng nói gì? Em có nhận xét gì về tiếng nói ấy?
* Bà con xóm làng đã có hành động gì giúp đỡ Gióng? Kết quả của hành động đó?

***- GV yêu cầu HS thảo* luận** theo nhóm, ý nghĩa của các chi tiết:

*+ Tiếng nói đầu tiên của Gióng là tiếng nói đòi đi đánh giặc*

*+ Bà con góp gạo nuôi Gióng*

*+ Gióng lớn nhanh như thổi, vươn vai trở thành tráng sĩ*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

Tiếng nói đầu tiên:

+ “Mẹ ra mời sứ giả vào đây”

+ “Ta sẽ phá tan lũ giặc này”

- Bà con góp gạo nuôi chú bé.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Thực hiện nhiệm vụ**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

GV chuẩn kiến thức:

**2. Sự trưởng thành của Gióng**

- Hoàn cảnh: Giặc Ân xâm lược.

- Gióng cất tiếng nói muốn đi đánh giặc cứu nước.

🡪 Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.

- Sau khi gặp sứ giả, Gióng lớn nhanh như thổi 🡪 sự trưởng thành để đáp ứng nhiệm vụ cao cả.

- Bà con góp gạo nuôi chú bé.

🡪 thể hiện tinh thần đoàn kết của nhân dân. Gióng là người anh hùng của nhân dân, được dân nuôi lớn, mang theo sức mạnh của toàn dân.

Tiếng nói đầu tiên:

+ “Mẹ ra mời sứ giả vào đây”

+ “Ta sẽ phá tan lũ giặc này”

🡪 Đó là nhiệm vụ, sứ mệnh cao cả của Gióng là bảo vệ đất nước. Đáp ứng tiếng goi cứu nước khi Tổ quốc lâm nguy.

**- GV** mở rộng: Tiếng nói đầu tiên của cậu bé là đòi đánh giặc:

+ Gióng là hình ảnh của nhân dân, khi dân tộc gặp cơn nguy biến thì họ sẵn sàng đứng ra cứu nước, giống như Gióng, khi vua vừa kêu gọi đã đáp lời cứu nước.

+ Chi tiết Gióng cất tiếng đầu tiên là đòi đánh giặc cũng hàm chứa 1 sự thật rằng: ở 1 đất nước luôn bị ngoại xâm như nước ta thì khả năng đánh giặc phải luôn thường trực từ tuổi bé thơ để đáp ứng lời kêu gọi của Tổ quốc, đúng như nhà thơ Tố Hữu đã từng viết:

“Ôi Việt Nam xứ xở lạ lùng

Đến em thơ cũng hóa những anh hùng

Đến ong dại cũng luyện thành dũng sĩ...”

- Bà con góp gạo nuôi chú bé.

* Gióng lớn lên bằng thức ăn, đồ mặc của nhân dân, nuôi dưỡng bằng những cái bình thường, giản dị.
* Chi tiết còn nói lên truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết của dân tộc ta từ thuở xưa. ND ta rất yêu nước, ai cũng mong Gióng lớn nhanh ra trận đánh giặc.

🡪Sức mạnh của Gióng là sức mạnh của toàn dân. Một người không thể cứu nước, phải toàn dân hợp sức thì công cuộc đánh giặc cứu nước mới trở lên mau chóng.

*- Gióng lớn nhanh như thổi, vươn vai thành tráng sĩ:*

* Sự vươn vai của Gióng có liên quan đến truyền thống của truyện cổ dân gian. Thời cổ nhân dân ta quan niệm người anh hùng phải khổng lồ về thể xác, sức mạnh, chiến công. Thần Trụ trời, Sơn Tinh ... đều là những nhân vật khổng lồ. Cái vươn vai của Gióng để đạt đến độ phi thường ấy.

Sự lớn lên của Gióng đã đáp ứng được yêu cầu và nhiệm vụ cứu nước. Khi lịch sử đặt ra vấn đề sống còn cấp bách, khi tình thế đòi hỏi dân tộc vươn lên một tầm vóc phi thường thì dân tộc ta vụt lớn dậy như Thánh Gióng, tự mình thay đổi tư thế tầm vóc của mình.

**NV5**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS trả lời:

*+ Chiến công phi thường mà Gióng đã làm nên là gì?*

- HS tiếp tục thảo luận và nêu ý nghĩa của chi tiết:

*+ Ngựa sắn phun ra lửa, roi sắt quật vào giặc chết như ngả rả và những cụm tre cạnh đường quật giặc tan vỡ.*

*+ Tráng sĩ đánh giặc xong, cởi giáp sắt bỏ lại và bay thẳng lên trời.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

Gióng đã đánh tan quân giặc.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

GV chuẩn kiến thức:

**3.3. Gióng đánh giặc và bay về trời**

- Tư thế, hành động:

+ phi thẳng đến nơi có giặc

+ Đón đầu, giết hết lớp này đến lớp khác

🡪 Sự oai phong, lẫm liệt, sức mạnh không thể địch nổi của tráng sĩ

- Khi roi sắt gẫy, tráng sĩ nhổi bụi tre quật vào giặc

-Giặc tan, Gióng cưỡi ngựa bay về trời.

*- Roi sắt gãy, Gióng nhổ tre bên đường đánh giặc:*

* Chi tiết cho thấy sự sáng tạo, nhanh trí của Gióng

Gióng đánh giặc không những bằng vũ khí mà bằng cả cỏ cây của quê hương đất nước, bằng bất cứ những gì có thể giết được giặc 🡪 thể hiện quyết tâm giết giặc đến cùng.

- *Giặc tan, Gióng cưỡi ngựa bay về trời*:

* Nhân dân yêu mến, trân trọng muốn giữ mãi hình ảnh của người anh hùng nên đã để Gióng về với cõi vô biên, bất tử, sống mãi trong lòng dân tộc.

Đánh giặc xong, Gióng không trở về nhận phần thưởng. Dấu tích của chiến công, Gióng để lại cho quê hương xứ sở (tên đất, tên làng, ao hồ...)

**NV6**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS trả lời:

*+ Lời kể nào trong truyện Thánh Gióng hàm ý rằng câu chuyện đã xả ra trong quá khứ? Tìm chi tiết đó.*

*+ Theo em, ý nghĩa của hình tượng TG là gì?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

*Hiện nay, vẫn còn đền thờ ở làng…. làng Cháy*

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

GV chuẩn kiến thức:

**3.4. Những dấu tích còn lại**

- Đền thờ Phù Đổng Thiên Vương

- Bụi tre đằng ngà

- Ao hồ liên tiếp

- Làng Cháy

🡪 Thể hiện sự trân trọng, biết ơn, niềm tự hào và ước muốn về một người anh hùng cứu nước giúp dân.

Đây cũng là một biểu hiện có tính chất đặc thù trong thi pháp truyền thuyết, Người kể chuyện truyền thuyết có ý muốn tạo niềm tin ở người đọc, ngời nghe truyền thuyết nên thường đưa vào các lời kể hàm ý về tính xác thực của câu chuyện. Đồng thời cũng cho thấy trí tưởng tượng phong phú của tác giả dân gian khi sáng tạo nhiều chi tiết sinh động, kì lạ làm tăng thêm vẻ đẹp linh thiêng, hấp dẫn cho nhân vật, gắn lịch sử với phong tục, địa danh nhằm biểu đạt ý nghĩa thiêng liêng: phong tụ, địa danh của đất nước đã được “lịch sử đặt tên” nhờ những chiến công vĩ đại trong sự nghiệp dựng nước, giữ nước của nhân dân.

Hình tượng thánh gióng: tiêu biểu, rực rỡ của người anh hùng đánh giặc giữ nước. TG mang trong mình sức mạnh của cộng đồng ở buổi đầu dựng nước: sức mạnh vô hạn của tự nhiên đất nước, sức mạnh và ý chí của nhân dân – những người thợ thủ công anh hùng, những người nông dân, những binh lính anh hùng, Tầm vóc khổng lồ của TG là biểu động của sự kết tinh tất cả các sức mạnh đó.

**NV7**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**- GV đặt câu hỏi:** *Truyện có ý nghĩa gì?**Nêu những đặc sắc nghệ thuật của truyện?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

GV chuẩn kiến thức:

**III. Tổng kết**

***1. Nội dung – Ý nghĩa:***

\* *Nội dung*: Truyện kể về công lao đánh đuổi giặc ngoại xâm của người anh hùng Thánh Gióng, qua đó thể hiện ý thức tự cường của dân tộc ta.

\* *Ý nghĩa*: Truyện ca ngợi người anh hùng đánh giặc tiêu biểu cho sự trỗi dậy của truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết, anh dũng kiên cường của dân tộc ta.

**b. Nghệ thuật**

- Chi tiết tưởng tượng kì ảo

- Khéo kết hợp huyền thoại và thực tế (cốt lõi sự thực lịch sử với những yếu tố hoang đường)

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:*

**Câu 1:** Ý nghĩa hình tượng Thánh Gióng là gì?

A. tượng trưng cho sức mạnh của tinh thần đoàn kết toàn dân

B. biểu tượng về lòng yêu nước, sức mạnh chống giặc ngoại xâm của nhân dân ta.

C. ước mơ cùa nhân dân ta về hình mẫu lí tưởng của người anh hùng chống giặc ngoại xâm thời kì đầu dựng nước.

D. Tất cả đều đúng

**Câu 2:** Trong truyện Thánh Gióng, cậu bé Gióng cất tiếng nói đầu tiên khi nào?

A. Khi Gióng được sáu tuổi và đòi đi chăn trâu.

B. Khi cha mẹ Gióng bị bệnh và qua đời.

C. Khi nghe sứ giả của nhà vua thông báo công chúa kén phò mã.

D. Khi nghe sứ giả của nhà vua đi loan truyền tìm người tài giỏi cứu nước, phá giặc Ân.

**Câu 3:** Tác phẩm Thánh Gióng thuộc thể loại truyện dân gian nào?

A. Cổ tích.

B. Thần thoại.

C. Truyền thuyết.

D. Ngụ ngôn.

**Câu 4**: Phát biểu nào sau đây nói đúng nhất về nhân vật Thánh Gióng trong truyền thuyết Thánh Gióng?

A. Thánh Gióng là nhân vật được xây dựng từ hình ảnh những người anh hùng có thật thời xưa.

B. Thánh Gióng là nhân vật được xây dựng dựa trên truyền thống tuổi trẻ anh hùng trong lịch sử và từ trí tưởng tượng bắt nguồn từ tinh thần yêu nước của nhân dân.

C. Thánh Gióng là một cậu bé kì lạ chỉ có trong thời kì đầu dựng nước.

D. Thánh Gióng là nhân vật do nhân dân tưởng tượng hư cấu nên để thể hiện khát vọng chinh phục thiên nhiên.

**Câu 5:** Để ghi nhớ công ơn của Thánh Gióng, vua Hùng đã phong cho Thánh Gióng danh hiệu gì?

A. Đức Thánh Tản Viên.

B. Lưỡng quốc Trạng nguyên.

C. Bố Cái Đại Vương.

D. Phù Đổng Thiên Vương.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* viết đoạn văn (5-7 câu) về một hình ảnh hay hành động của TG đã để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất.

GV hướng dẫn HS viết một cách chân thực, xúc động, phù hợp với cảm xúc người viết

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tuần 19**  **Tiết 75** | **THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT** | **NS : 19.1.2024**  **ND: 20.1.2024** |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- HS củng cố kiến thức về cấu tạo của cụm động từ, cụm tính từ, nắm được nghĩa của một số cụm động từ, cụm tính từ.

- HS luyện tập về từ ghép và từ láy, biết phân biệt hai loại từ này.

- Luyện tập về biện pháp tu từ so sánh, biết sử dụng trong khi nói, viết.

- Nhận biết được cấu tạo của từ Hán Việt, có yếu tố giả (kẻ, người) nhằm phát triển vốn từ Hán Việt.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực nhận diện từ ghép, từ láy, cụm động từ, cụm tính từ, các biện pháp tu từ, các từ Hán Việt và chỉ ra được các từ loại trong văn bản.

**3. Phẩm chất:**

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV giới thiệu bài học: *Ở Tiểu học, các em đã học về các từ loại. Hãy kể tên các từ loại em đã học.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

+ HS nghe và trả lời

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

Gv dẫn dắt:

HS nắm được yêu cầu của bài thực hành tiếng việt.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm từ và cụm từ**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các khái niệm từ và cụm từ.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**NV1 :**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV tổ chức trò chơi: ***Ai nhanh hơn***

Chia lớp thành 4 nhóm, hãy ghép các từ ở cột phải với các từ ở cột trái cho phù hợp:

**A B**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Cụm từ |  | Từ chỉ đặc điểm, tính chất của sự vật, hiện tượng và hoạt động. |
| Tính từ | Từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật, hiện tượng. |
| Động từ | Nhóm, tập hợp nhiều từ |
| Từ Hán Việt | Từ có nguồn gốc từ tiếng Hán, dùng theo cách cấu tạo, cách hiểu, đôi khi có đặc thù riêng của người Việt, |

- HS thực hiện nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

+ HS thực hiện nhiệm vụ

Dự kiến sản phẩm:

Vuốt – nhọn hoắt

Cánh – hủn hoẳn

Người – rung rinh, bóng mỡ

Răng – đen nhánh, ngoằm ngoạp

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

- GV yêu cầu HS rút ra khái niệm về từ đơn, từ ghép, từ láy.

**I. Từ và cụm từ**

- Từ HV: Từ có nguồn gốc từ tiếng

- Cụm từ: Nhóm, tập hợp nhiều từ

- Tính từ: Từ chỉ đặc điểm, tính chất của sự vật, hiện tượng và hoạt động.

- Động từ: Từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật, hiện tượng.

Hán, dùng theo cách cấu tạo, cách hiểu, đôi khi có đặc thù riêng của người Việt

**NV2**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS làm bài tập nhanh

**Bài tập thêm:** Hãy chỉ ra các từ ghép, từ láy trong câu thơ sau:

Việt Nam đất nước ta ơi!

Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn

- HS thực hiện nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

+ HS thực hiện nhiệm vụ

Dự kiến sản phẩm:

Từ đơn: ta, ơi, biển, lúa, đâu, trời, đẹp, hơn

Từ ghép: Việt Nam, đất nước

Từ láy: mênh mông

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận , nhận định**

**Bài tập**

- Từ ghép: Việt Nam, đất nước, biển lúa

- Từ láy: mênh mông

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

**Hoạt động 2: Nhắc lại biện pháp tu từ so sánh**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các khái niệm, tác dụng biện pháp tu từ so sánh.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**NV3: Tìm hiểu biện pháp tu từ so sánh**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS nhắc lại khái niệm: So sánh là gì? Tác dụng của so sánh?

- GV yêu cầu HS rút ra kết luận về so sánh

- HS thực hiện nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

+ HS thực hiện nhiệm vụ

Dự kiến sản phẩm:

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận , nhận định**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

**Gv chuẩn kiến thức**

GV nhắc lại mô hình so sánh:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Vế A | Phương diện ss | Từ ss | Vế B |
| Trẻ em |  | như | Búp trên cành |

**II. So sánh**

- So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác để tìm ra nét tương đồng và khác biệt giữa chúng.

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ NV1: Bài tập 1**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 và làm vào vở.

- GV hướng dẫn HS kẻ bảng và hoàn thành bài tập.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

- Gv củng cố lại kiến thức về từ loại cho HS.

**chức thực hiện:**

**Bài tập 1/ trang 9**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Yếu tố HV A | Từ HV A + giả | Nghĩa của từ |
| 1 | tác | Tác giả | Người tạo ra tác phẩm, bài thơ |
| 2 | Độc | Độc giả | Người đọc |
|  | ..... | ...... | ....... |

**NV2**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**- GV yêu cầu HS:** làm bài tập 2, xác định từ ghép và từ láy trong các cậu

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

Gv lưu ý HS về cách nhận diện từ ghép, từ láy.

**NV3:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS tìm và phân tích các từ láy trong các câu văn

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

- Cụm đồng từ: xâm phạm/bờ cõi, cất/tiếng nói, lớn /nhanh như thổi, chạy/nhờ.

- Cụm tính từ: chăm/làm ăn

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

GV chuẩn kiến thức:

**Bài 3/ trang 9**

- Cụm đồng từ: xâm phạm/bờ cõi, cất/tiếng nói, lớn /nhanh như thổi, chạy/nhờ.

- Cụm tính từ: chăm/làm ăn

- Đặt câu: HS tự đặt từ 2-3 câu

**NV4:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS đọc bài tập 4.

- GV hướng dẫn HS vận dụng biện pháp này để nói về một sự vật hoặc hiện tượng được kể trong truyện.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

GV chuẩn kiến thức:

**Bài 4/ trang 9**

- Biện pháp nghệ thuật so sánh

- Cấu trúc: A như B

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* viết đoạn văn (5-7 câu) nêu suy nghĩ của em về nhân vật Thánh Gióng. Trong đoạn văn có sử dụng từ ghép, từ láy, biện pháp nghệ thuật so sánh.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tuần 19**  **Tiết 76** | **SƠN TINH, THUỶ TINH** | **NS : 19.1.2024**  **ND: 20.1.2024** |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- HS xác định được chủ đề của truyện.

- HS nhận biết được những yếu tố cơ bản của thể loại truyền thuyết trong Vb truyện: các sự kiện thường được kết nối với nhau bởi một chuỗi quan hệ nguyên nhân – kết quả, nhân vật có nhiều đặc điểm kì lạ, có thể có dấu vết của nhân vật thần trong thần thoại, lời kể có nhiều chi tiết hoang đường kì ảo, nội dung của truyện cũng có thể lí giải nguồn gốc các sự vật, hiện tượng, hoặc nguyên nhân của một hiện tượng thời tiết, mùa…

- HS biết vận dụng tình huống giả định: nếu là một nhân vật trong truyền thuyết thì sẽ có suy nghĩ, cảm xúc như thế nào?

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất: tự hào về lịch sử và truyền thống văn hoá của dân tộc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Tranh ảnh về truyện ST, TT

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS chia sẻ

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV cho HS xem một đoạn video về hiện tượng lũ lụt tàn phá nước ta. Yêu cầu HS nêu suy nghĩ về hiện tượng thiên tai đó.

HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

+ HS nghe và trả lời

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

+ GV dẫn dắt: Hằng năm, cứ vào mùa hạ thì ở vùng đồng bằng Bắc Bộ trời lại mưa như trút nước, lũ lụt xảy ra triền miên. Lũ lụt là một hiện tượng hoàn toàn từ tự nhiên nhưng với trí tưởng tượng phong phú, nhân dân ta đã giải thích hiện tượng này bằng một truyền thuyết mang tên *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh*. Vậy nội dung, ý nghĩa của truyền thuyết này như thế nào, chúng ta sẽ cùng đến với bài học ngày hôm nay.**d) Tổ chức thực hiện:**

- HS chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ về hiện tượng lũ lụt ở nước ta.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS: *Sơn Tinh, Thủy Tinh thuộc thể loại nào trong truyện dân gian? Được viết trong thời đại nào?*

*-* GV hướng dẫn cách đọc:

Giọng đọc giọng chậm rãi ở hai đoạn đầu; đoạn giữa sôi nổi, nhanh, gấp ở cuộc giao tranh; đoạn cuối bình tĩnh...

GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.

- GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó: *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh,* *kén rể, lễ vật, lạc hầu, hồng mao, nao núng.*

- HS lắng nghe.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

+ HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

**GV bổ sung:**

**I. Tìm hiểu chung**

- Truyện *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh* thuộc thể loại truyền thuyết thời đại Hùng Vương thứ 18.

- Truyện bắt nguồn từ thần thoại cổ được lịch sử hoá.

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**NV1:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:

+ Tóm tắt văn bản ST, TT. Yêu cầu HS nhận biết được các chi tiết trọng tâm kết nối với nhau bởi quan hệ nguyên nhân – kết quả.

*+ Câu chuyện được kể bằng lời của nhân vật nào? Kể theo ngôi thứ mấy?*

*+ GV yêu cầu HS xác định phương thức biểu đạt? Bố cục của văn bản?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

- Nhân vật chính: Sơn Tinh, Thuỷ Tinh.

- Ngôi kể: ngôi thứ ba

- PTBĐ: tự sự

- Tóm tắt:

Hai chàng trai tài giỏi cùng đến thi tài, không ai chịu thua ai

Vua Hùng tổ chức kén rể.

………..

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

**GV bổ sung:**

***3. Đọc- kể tóm tắt***

- Nhân vật chính: Sơn Tinh, Thuỷ Tinh.

- Ngôi kể: ngôi thứ ba

- PTBĐ: tự sự

**Bố cục:** 3 phần

- P1: Từ đầu -> *mỗi thứ một đôi*: Vua Hùng 18 kén rể.

- P2: Tiếp theo -> *Thần nước đành rút lui*: Sơn Tinh đến trước và cuộc giao tranh xảy ra.

- P3: Còn lại: Chiến thắng của Sơn Tinh và sự trả thù hàng năm về sau của Thuỷ Tinh.

**NV2**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV đặt câu hỏi:

1. *Lí do Vua Hùng kén rể là gì?*

*2. Trong câu chuyện này, những nhân vật nào được gọi là thần? Hãy chỉ ra những điều khiến cho họ được coi là những vị thần.*

- GV yêu cầu HS hoàn thiện phiếu học tập số 2

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

- Lí do vua Hùng kén rể: Mị Nương xinh đẹp, hiền dịu. Vua yêu con, muốn chồng xứng đáng cho con.

- Hoàn thành PBT số 2

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

***Gv bổ sung:***

- Lí do vua Hùng kén rể: Mị Nương xinh đẹp, hiền dịu. Vua yêu con, muốn chồng xứng đáng cho con -> Quan niệm xưa: Trai tài - gái sắc; Anh hùng - mĩ nhân.

Các chi tiết:

+ Sơn Tinh: Chúa miền non cao, có tài lạ... vẫy tay ... nổi cồn bãi ... mọc núi đồi...

+ Thuỷ Tinh: Chúa vùng nước thẳm, tài năng không kém ... gọi gió ... hô mưa ...

🡪 Chi tiết nghệ thuật tưởng tượng kì ảo, hai thần đều tài giỏi, xứng đáng làm rể vua Hùng. Cách giới thiệu ấn tượng, gây hứng thú hấp dẫn đối với người đọc, ngầm dự báo một cuộc đua tranh quyết liệt sẽ diễn ra giữa hai vị thần.

**II. Tìm hiểu chi tiết**

***1. Vua Hùng kén rể***

- Lí do vua Hùng kén rể: Mị Nương xinh đẹp, hiền dịu. Vua yêu con, muốn chồng xứng đáng cho con -> Quan niệm xưa: Trai tài - gái sắc; Anh hùng - mĩ nhân.

- Đặc điểm hai nhan vật ST và TT:

+ Đến từ vùng xa thẳm của tự nhiên

+ Cả hai đều có nhiều phép lạ và tài năng phi thường

🡪 Vua Hùng không biết chọn ai.

**NV3:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

*+ Trước tài năng của hai vị thần, vua Hùng đã làm như thế nào?*

*+ Có ý kiến cho rằng: Khi kén rể, vua Hùng đã có ý chọn Sơn Tinh, nhưng vua cũng không muốn mất lòng Thuỷ Tinh nên mới nghĩ ra cuộc đua tài tìm những sản vật quý để dâng sính lễ. Suy nghĩ của em như thế nào?*

*+ Cuộc thi tài kén rể trong câu chuyện có gì đặc biệt?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

- Vua Hùng ra điều kiện:

+ Ai mang lễ vật đến sớm sẽ được lấy Mị Nương.

+ Lễ vật gồm: *100 ván cơm nếp, 100 nệp bánh chưng, voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao, mỗi thứ một đôi ...*

GV chuẩn kiến thức:

Lễ vật là sản vật của miền rừng núi. Có vẻ như Vua Hùng đã có cảm tình với Sơn Tinh nên yêu cầu về lễ vật thiên về phía Sơn Tinh.

- Truyện Sơn Tinh, Thuỷ Tinh có màu sắc cổ tích qua mô-típ thi tài kén rểhay là cuộc chiến tranh giữa những ngitời cầu hôn. Những chi tiết khiến cuộc thi tài kén rể này trở nên đặc biệt là: + Vua Hùng kén rể hiển tài, Sơn Tinh và Thuỷ Tinh cùng đến cẩu hôn.

+ Hai bên thi tài để có thê’ lấy được công chúa, nhưng không phần được thắng bại, cả hai đểu xứng đáng.

+ Vua Hùng thách cưới (cuộc thi tài lần 2): Sơn Tinh nhanh hơn nên lấy được công chúa, đưa công chúa vế núi.

+ Thuỷ Tinh đuối theo, hai bên đánh nhau (thi tài lần 3), Sơn Tinh chiến thắng nên giữ được vợ, cùng vợ sống hạnh phúc; Thuỷ Tinh thua, không lấy được vợ nên hằng năm gây lũ lụt báo thù.

**NV4:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV đặt câu hỏi :*Vì sao có cuộc giao tranh này?*

- GV yêu cầu HS quan sát SGK: *Em hãy quan sát bức tranh minh họa trang 32, miêu tả cuộc giao tranh giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh?*

*Kết quả của cuộc giao tranh ra sao? Vì sao người thắng cuộc được xem như người anh hùng*

HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

***2. Cuộc giao tranh giữa Sơn Tinh và Thuỷ Tinh:***

+ Nguyên nhân: Sơn Tinh đến trước, rước Mị Nương về núi. Thuỷ Tinh đến sau, không lấy được vợ, nổi giận đem quân đuổi đánh Sơn Tinh.

- Diễn biến:

+ TT hô mưa gọi gió làm thành dông bão, dâng nước đánh Sơn Tinh.

+ Sơn Tinh không hề run sợ, chống cự một cách quyết liệt: bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành luỹ đất để ngăn lũ... nước dâng lên bao nhiêu, đồi núi cao lên bấy nhiêu...

- Kết quả:

+ Sơn Tinh thắng, TT thua đành phải rút quân.

+ Hàng năm TT lại dâng nước đánh Sơn Tinh nhưng đều thua.

Dự kiến sản phẩm:

+ Nguyên nhân: Sơn Tinh đến trước, rước Mị Nương về núi. Thuỷ Tinh đến sau, không lấy được vợ, nổi giận đem quân đuổi đánh Sơn Tinh.

- Diễn biến:

+ TT hô mưa gọi gió làm thành dông bão, dâng nước đánh Sơn Tinh.

+ Sơn Tinh không hề run sợ, chống cự một cách quyết liệt: bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành luỹ đất để ngăn lũ... nước dâng lên bao nhiêu, đồi núi cao lên bấy nhiêu...

- Kết quả:

+ Sơn Tinh thắng, TT thua đành phải rút quân.

+ Hàng năm TT lại dâng nước đánh Sơn Tinh nhưng đều thua.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

GV chuẩn kiến thức: Hai nhân vật giao tranh vì li do cá nhân, nhưng việc Thuỷ Tinh dâng nước lên làm ngập nhà cửa, khiến thành Phong Châu nổi lếnh bềnh như trên một biển nước. Sơn Tinh giao chiến với Thuỷ Tinh vì lí do cá nhân, nhưng cũng đổng thời để ngăn chặn một thảm hoạ thiên nhiên, bảo vệ sự sống cho con người, cỏ cây, súc vật. Vì thế khi Sơn Tinh chiến thắng Thuỷ Tinh thì Sơn Tinh là một anh hùng của cộng đồng.

**NV5**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS trả lời:

*+ Chủ đề của truyện ST, TT là gì?*

*+ Truyện ST TT lí giải hiện tượng tự nhiên nào? Theo tác giả dân gian, nguyên nhân hiện tượng tự nhiên đó là gì?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

GV chuẩn kiến thức:

**3.** **Ý nghĩa hình tượng nhân vật**

- Sơn Tinh, Thuỷ Tinh là những nhân vật hoang đường, kì ảo do người xưa tưởng tượng ra.

- Nhân dân ta xây dựng hai hình tượng nhân vật này nhằm mục đích giải thích các hiện tượng thiên nhiên thời tiết:

+ Thủy Tinh là thần Nước, tượng trưng cho sức mạnh mưa gió, bão lụt hàng năm.

+ Sơn Tinh là thần Núi, đại diện cho sức mạnh vĩ đại của nhân dân ta trong việc đấu tranh chống bão lụt hàng năm. Tầm vóc vũ trụ, tài năng và khí phách của ST là biểu tượng sinh động cho chiến công của người Việt cổ.

-> Thể hiện ước mơ của nhân dân ta trong việc chiến thắng thiên tai.

Sơn Tinh, Thuỷ Tinh là những nhân vật tưởng tượng, hư cấu, mang ý nghĩa biểu trưng. Thuỷ Tinh biểu trưng cho sức mạnh của nước, là hiện tượng lù lụt được hình tượng hoá. Sơn Tinh biểu trưng cho đất, núi, nhưng đổng thời cũng là sức mạnh, là khả năng, ước mơ chiến thắng lũ lụt của nhân dân được hình tượng hoá. Truyện gắn với thời đại Vua Hùng, tại địa bàn dựng nước Van Lang xưa, nhằm để cao và tôn vinh những chiến công của người Việt cố trong công cuộc chống bão lụt, chế ngự và sử dụng nguồn nước (ở lưu vực sông Đà và sông Hổng) để phát triền trồng trọt, chăn nuôi, ổn định cuộc sống, dựng xây đất nước.

GV nói rõ thêm những thông tin về bối cảnh lịch sử: Vùng núi Tản Viên, điểm cao nhất, là một trong những địa bàn sinh tụ đầu tiên của người Việt cổ. Nơi đây hằng năm cũng thường xuyên diễn ra các hiện tượng bão lũ trên lưu vực sông Đà (dội thẳng vào chân núi Tản Viên); quy luật nước lớn thường diễn ra vào tháng 7, tháng 8. Công cuộc trị thuỷ để bảo vệ sinh mệnh, nguồn sống của cư dân trổng lúa nước cũng diễn ra hằng năm là vì thế.

Thực chất đây cũng là một thủ pháp nghệ thuật trong lời kể của tác giả dân gian nhằm tô đậm tính xác thực của câu chuyện. Từ trong thế giới tưởng tượng hư cấu của truyện kể với nhiều chi tiết hoang đường, người kể đưa người đọc trở vế với quy luật tự nhiên thường thấy trong cuộc sống, nhắc nhở họ vế những hiện tượng vẫn thường diễn ra để từ đó biết trần quý công lao của những bậc tiền nhân.

**NV6**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**- GV đặt câu hỏi:** *Truyện có ý nghĩa gì?**Nêu những đặc sắc nghệ thuật của truyện?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

GV chuẩn kiến thức:

**III. Tổng kết**

***1. Nội dung – Ý nghĩa:***

\* *Nội dung*: Truyện giải thích hiện tượng mưa bão lũ lụt xảy ra hàng năm ở đồng bằng Bắc Bộ thuở các vua Hùng dựng nước.

\* *Ý nghĩa*: Thể hiện sức mạnh và ước mơ chế ngự thiên tai bảo vệ cuộc sống của người Việt cổ.

**b. Nghệ thuật**

- Xây dựng hình tượng nhân vật mang dáng dấp thần linh với nhiều chi tiết tưởng tượng kì ảo có tính khái quát cao.

- Cách kể chuyện hấp dẫn sinh động

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*

*1.* Đóng vai một trong các nhân vật Sơn Tinh, Thuỷ Tinh, vua Hùng, Mị Nương để kể lại câu chuyện?

2. Thử tượng tưởng em là Thuỷ Tinh và nêu suy nghix, cảm xúc nhân vật sau khi bị thua cuộc.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* viết đoạn văn (5-7 câu) tưởng tượng về ngoại hình của nhân vật.

GV đưa ra yêu cầu: các nét miêu tả ngoại hình nhân vật có thể tự do, phóng khoáng nhưng cần dựa trên các chi tiết về tài năng, hành động... của nhân vật trong truyện.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

